

Số: 06/2012/QĐ-KTNN

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH QUY TRÌNH KIỂM TOÁN CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng và các Luật khác có liên quan;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 04/2007/QĐ-KTNN ngày 02/8/2007 của Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước;

Xét đề nghị của Kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành VII, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Vụ trưởng Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình kiểm toán các tổ chức tài chính, ngân hàng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 03/2010/QĐ-KTNN ngày 10/02/2010 của Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quy trình kiểm toán các tổ chức tài chính - ngân hàng.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán Nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước; VP Quốc hội; VP Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội; các Ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VKSND tối cao, TAND tối cao;
- Các cơ quan TW của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Lãnh đạo KTNN; các đơn vị trực thuộc KTNN;
- Lưu: VT.

Đinh Tiến Dũng

QUY TRÌNH

KIỂM TOÁN CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /2012/QĐ-KTNN ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Tổng Kiểm toán Nhà nước)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy trình kiểm toán các tổ chức tài chính, ngân hàng quy định trình tự, nội dung, thủ tục tiến hành các công việc của cuộc kiểm toán các tổ chức tài chính, ngân hàng bao gồm các bước:

a) Chuẩn bị kiểm toán.

b) Thực hiện kiểm toán.

c) Lập và gửi báo cáo kiểm toán.

d) Kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.

2. Quy trình này áp dụng để kiểm toán đối với các đơn vị là tổ chức tài chính, ngân hàng mà Nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối, bao gồm: Ngân hàng Nhà nước (Ngân hàng trung ương); Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển; các quỹ ngoài ngân sách như: Bảo hiểm xã hội Việt Nam,...; Bảo hiểm tiền gửi; các đơn vị, tổ chức là: các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng phi ngân hàng: công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác; công ty chứng khoán; công ty quản lý quỹ; các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh bảo hiểm hoặc các tổ chức tài chính, ngân hàng khác được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề nghị Kiểm toán Nhà nước (KTNN) thực hiện kiểm toán.

Đối với các doanh nghiệp trực thuộc các tổ chức tài chính, ngân hàng nhưng hoạt động kinh doanh các ngành nghề khác ngoài lĩnh vực tài chính, ngân hàng được thực hiện kiểm toán theo Quy trình kiểm toán doanh nghiệp của KTNN.

Đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các tổ chức tài chính ngân hàng có thụ hưởng Ngân sách Nhà nước (NSNN), thì riêng phần NSNN cấp được thực hiện kiểm toán theo Quy trình kiểm toán NSNN của KTNN.

Khi kiểm toán các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của các tổ chức tài chính, ngân hàng được thực hiện kiểm toán theo Quy trình kiểm toán Dự án đầu tư của KTNN.

3. Quy trình này được áp dụng đối với các đoàn KTNN và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình kiểm toán các tổ chức tài chính, ngân hàng do KTNN thực hiện.

Điều 2. Yêu cầu đối với Đoàn kiểm toán và thành viên Đoàn kiểm toán

Khi thực hiện cuộc kiểm toán các tổ chức tài chính, ngân hàng, Đoàn kiểm toán, Kiểm toán viên và các thành viên khác của Đoàn kiểm toán phải tuân thủ các quy định tại Mục 3, Chương I, Quy trình kiểm toán của KTNN ban hành kèm theo Quyết định số 04/2007/QĐ-KTNN ngày 02/8/2007 của Tổng KTNN và các quy định tại Quy trình này.

Điều 3. Loại hình kiểm toán

Tùy theo đặc điểm, tính chất của từng cuộc kiểm toán có thể áp dụng các loại hình kiểm toán như: Kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC), kiểm toán tuân thủ, kiểm toán hoạt động hoặc kết hợp cả 3 loại hình kiểm toán trên.

Chương II

CHUẨN BỊ KIỂM TOÁN

Mục 1. KHẢO SÁT, THU THẬP THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Điều 4. Thông tin về tổ chức hoạt động của đơn vị

1. Quá trình hình thành và những thay đổi về tổ chức, mô hình, tính chất hoạt động của đơn vị.

2. Mục tiêu hoạt động chủ yếu, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức

a) Tùy thuộc vào loại hình tổ chức tài chính, ngân hàng là Ngân hàng Nhà nước (NHNN); ngân hàng thương mại (NHTM); Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPT); Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH); doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, Bảo hiểm tiền gửi (BHTG), Bảo hiểm xã hội Việt Nam (BHXH),..., mục tiêu hoạt động chủ yếu, chức năng, nhiệm vụ được quy định, và cấp quyết định để xác định mục tiêu, nội dung, phạm vi của cuộc kiểm toán phù hợp với loại hình tổ chức được kiểm toán.

b) Tìm hiểu cơ cấu tổ chức, quy mô tổ chức hoạt động để xác định thời gian, nhân lực cho cuộc kiểm toán đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả cao nhất (số lượng các đơn vị thuộc và trực thuộc; hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết,...; hoạt động đầu tư tài chính,... của đơn vị được kiểm toán).

3. Đặc thù và phương thức hoạt động: Phạm vi, nhiệm vụ được phép hoạt động; những nghiệp vụ kinh doanh chính, các dịch vụ; quy trình nghiệp vụ; chế độ kế toán và phương pháp xử lý thông tin kế toán....

4. Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản lý tài chính, tín dụng, các văn bản pháp quy khác có liên quan đến quản lý và phân cấp quản lý tài chính, kế toán, tín dụng, hoạt động.

5. Những thay đổi hiện tại hoặc sắp tới về công nghệ, loại hình, quy trình hoạt động: tình hình triển khai và dự định (kế hoạch, chiến lược) triển khai của tổ chức trong việc cải tiến công nghệ, quy trình hoạt động, dịch vụ, sản phẩm mới có thể cung cấp trong tương lai, nhằm đánh giá sơ bộ về tính hoạt động liên tục và lâu dài của đơn vị.

6. Những thuận lợi, khó khăn chủ yếu ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và tình hình tài chính của đơn vị: Tình hình môi trường kinh tế, xã hội, môi trường hoạt động của tổ chức và các chính sách,

luật pháp, đánh giá sơ bộ những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến tình hoạt động và BCTC của đơn vị.

7. Các chỉ tiêu chủ yếu về tình hình hoạt động trong năm được kiểm toán và một số năm trước đó (theo số báo cáo của đơn vị): Chi tiết theo từng loại hình đơn vị.

a) Đối với đơn vị được kiểm toán là các tổ chức ngân hàng, nguồn thông tin thu thập chủ yếu, gồm: Tổng nguồn vốn, trong đó nguồn vốn huy động; tổng dư nợ cho vay, trong đó có chi tiết phân loại nợ, nợ xấu; nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ); tổng doanh thu, thu nhập; tổng chi phí; tổng lợi nhuận trước thuế; các khoản phải nộp NSNN; số lao động bình quân; thu nhập bình quân người/tháng....

b) Đối với các tổ chức hoạt động kinh doanh bảo hiểm nguồn thông tin thu thập chủ yếu, gồm: Tổng nguồn vốn kinh doanh, trong đó chi tiết nguồn vốn Nhà nước, nguồn khác; nguyên giá TSCĐ; thu phí bảo hiểm gốc, trong đó phí bảo hiểm gốc giữ lại; doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu khác; chi phí bồi thường, chi phí hoạt động môi giới; chi phí quản lý, chi phí bán hàng; chi phí hoạt động tài chính; chi phí về trích lập dự phòng,...

c) Tình hình hoạt động đầu tư XDCB của đơn vị được kiểm toán (nếu có): Cần nêu rõ số lượng dự án, tổng mức đầu tư, giá trị thực hiện,....

Điều 5. Thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Các nhân tố kiểm soát chung như: Môi trường hoạt động, luật pháp quy định đối với tổ chức được kiểm toán, các chính sách, quy chế, cơ chế quản lý kinh doanh, quản lý tài chính, kế toán và tín dụng; các quy định về quy trình nghiệp vụ,... mà đơn vị đang thực hiện. Ngoài ra, cần thu thập các văn bản có liên quan và nghiên cứu, xác định những nội dung cơ bản và các quy định đặc thù của mỗi văn bản.

2. Hệ thống kiểm soát nội bộ

a) Cơ cấu tổ chức bộ máy và tổ chức kinh doanh, hoạt động, chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận: Nghiên cứu điều lệ tổ chức hoạt động và các văn bản phân cấp trong nội bộ của đơn vị được kiểm toán để xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, từ đó có kế hoạch, phương pháp, biện pháp chỉ đạo Đoàn kiểm toán kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chức trách nhiệm vụ của từng bộ phận (tốt, chưa tốt, không tốt, không đúng thẩm quyền: vượt hoặc chưa hết trách nhiệm,...), đánh giá tính phù hợp, hiệu lực, hiệu quả của các quy chế nội bộ.

b) Tổ chức công tác kế toán (tập trung hay phân tán; cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán, hệ thống công nghệ ứng dụng trong công tác kế toán).

c) Hệ thống chứng từ kế toán (chứng từ bắt buộc, chứng từ do đơn vị tự quy định hoặc tự in).

d) Hệ thống tài khoản kế toán (hệ thống tài khoản kế toán được áp dụng; việc quy định chi tiết về hệ thống tài khoản kế toán có tính chất đặc thù...).

đ) Hệ thống sổ kế toán: hình thức kế toán được áp dụng (Nhật ký chứng từ, Nhật ký chung, Chứng từ ghi sổ....).

e) Hệ thống báo cáo tài chính.

g) Chính sách kế toán đơn vị áp dụng: phương pháp kế toán tiền mặt hay dồn tích; phân bổ chi phí; phương pháp khấu hao; trích lập và xử lý dự phòng....

h) Việc chỉ đạo và kiểm tra công tác tài chính, kế toán.

3. Hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin, công nghệ ứng dụng trong việc xử lý, quản lý các dịch vụ, hoạt động: quá trình tạo lập, kiểm soát, phê duyệt, chia sẻ, lưu trữ, tiếp cận,... thông tin của tổ chức.

4. Tổ chức và hoạt động của kiểm toán nội bộ (nếu có)

a) Các quy định về tổ chức, nhân sự, các quy định, quy chế, quy trình, hướng dẫn, thủ tục (cảm nang) hoạt động của kiểm toán nội bộ.

b) Các kết quả (báo cáo, biên bản, phát hiện,...) của kiểm toán nội bộ trong niên độ được kiểm toán và những năm gần nhất.

Dựa vào kết quả nghiên cứu các tài liệu trên để xác định vai trò, vị trí của kiểm toán nội bộ trong cơ cấu tổ chức của đơn vị; đánh giá sự quan tâm của người đứng đầu đơn vị đối với bộ phận kiểm toán nội bộ; xác định tính độc lập, khách quan của kiểm toán nội bộ; chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ; tìm hiểu năng lực chuyên môn của kiểm toán viên nội bộ cũng như những hoạt động và hiệu quả hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ,...

Điều 6. Phương pháp thu thập thông tin

1. Phương pháp thu thập thông tin cụ thể thực hiện theo Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2. Một số phương pháp thu thập thông tin đặc thù

- a) Nghiên cứu các hồ sơ kiểm toán trước đó (các năm trước).
- b) Đề nghị tổ chức cung cấp bằng văn bản (hoặc files mềm) các tài liệu cần thu thập và sử dụng như:
 - Điều lệ tổ chức và hoạt động, quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; các chính sách, nội quy, quy định của đơn vị (nếu kiểm toán lần đầu) hoặc các thay đổi liên quan đến các nội dung trên (nếu đã kiểm toán);
 - Các báo cáo quản trị, BCTC và các báo cáo kiểm toán, thanh tra, kiểm tra của năm hiện hành và các năm trước;
 - Bảng số liệu một số chỉ tiêu chủ yếu chi tiết cho từng đơn vị thành viên;
 - Quyết định và văn bản ý kiến chỉ đạo của các cá nhân và cơ quan có thẩm quyền đối với đơn vị;
 - Quyết định giao đơn giá tiền lương của Liên Bộ; phê quyết Quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý của Bộ Tài chính đối với NHCSXH, NHPT;
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Biên bản các cuộc họp của Hội đồng quản trị (hoặc Hội đồng quản lý), Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc hoặc ban Giám đốc);
 - Những cam kết với các cổ đông chiến lược, công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị, tổ chức có liên quan.
- c) Trực tiếp tiếp xúc, phỏng vấn, trao đổi với các nhà quản lý, các cán bộ có trách nhiệm của đơn vị.
- d) Trực tiếp quan sát quá trình hoạt động kinh doanh tại Hội sở chính (hoặc Trụ sở chính) và một số đơn vị, chi nhánh trực thuộc: việc vận hành hoạt động kinh doanh; phân cấp quản lý kinh doanh và chỉ tiêu tài chính; việc thực hiện các hoạt động theo chỉ đạo của Hội sở chính; mức độ quản lý tập trung ...
- đ) Thông qua các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành, Hiệp hội....
- e) Thông qua các kênh thông tin khác như mạng internet, báo chí,...

3. Những vấn đề cần lưu ý

- a) Các phát hiện chủ yếu của kiểm toán (KTNN, kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ) và thanh tra kiểm tra từ bên ngoài.
- b) Các nội dung đã được thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng trong những năm tài chính gần nhất.
- c) Những vấn đề cần chú ý trong hoạt động và quản lý tài chính, kế toán của tổ chức thông qua các thông tin khác (báo chí, đơn thư, tố cáo,...).

Mục 2. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ, XỬ LÝ THÔNG TIN VÀ XÁC ĐỊNH TRỌNG YẾU, RỦI RO KIỂM TOÁN

Điều 7. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) của đơn vị được kiểm toán

1. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị được kiểm toán thực hiện theo Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.
2. Sau khi đã phân loại thông tin thu thập được, tiến hành nhận xét, đánh giá sơ bộ và rút ra các ý kiến về mức độ tin cậy của hệ thống KSNB bao gồm các nội dung sau:
 - a) Tính đầy đủ và hiệu lực của hệ thống KSNB;
 - b) Tính đầy đủ và hiệu lực của những quy định, quy trình KSNB;
 - c) Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;
 - d) Những hạn chế của hệ thống KSNB.

Điều 8. Trọng yếu kiểm toán

Thông qua các thông tin, số liệu về đơn vị, đánh giá và xác định sơ bộ về những vấn đề trọng yếu của cuộc kiểm toán nhằm xác định nội dung, phạm vi kiểm toán phù hợp. Đánh giá sơ bộ về mức độ trọng yếu, các khoản mục trong BCTC có thể phải điều chỉnh,...

Điều 9. Rủi ro kiểm toán

1. Xác định các loại rủi ro liên quan đến hoạt động và BCTC của tổ chức: rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát, rủi ro phát hiện.
2. Đánh giá mức độ rủi ro: cao, trung bình, thấp.

Mục 3. LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

Điều 10. Xác định mục tiêu kiểm toán

1. Mục tiêu chung:

- a) Xác nhận tính đúng đắn, trung thực, hợp lý và hợp pháp của các số liệu, tài liệu, BCTC trong phạm vi kiểm toán;
- b) Đánh giá tính tuân thủ pháp luật, tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, sử dụng tài sản, vốn nhà nước tại đơn vị;
- c) Kiến nghị với đơn vị được kiểm toán khắc phục, sửa chữa sai sót, vi phạm để chấn chỉnh công tác quản lý kinh tế, công tác kế toán, tín dụng...; với các cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm, sửa đổi, bổ sung, cải tiến chế độ quản lý kinh tế, tài chính, tín dụng.

2. Mục tiêu cụ thể: Tùy thuộc vào tính chất, mục tiêu hoạt động chung của tổ chức, tình hình hoạt động của tổ chức trong năm được kiểm toán, kết quả kiểm toán những năm trước đó để xác định các mục tiêu kiểm toán cụ thể đối với từng loại hình kiểm toán và từng đơn vị, như:

- a) Ngân hàng Nhà nước (Ngân hàng trung ương).
- b) Các ngân hàng thương mại.
- c) Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển.
- d) Các tổ chức tín dụng phi ngân hàng bao gồm: Công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác.
- đ) Bảo hiểm tiền gửi.
- e) Bảo hiểm xã hội Việt Nam.
- f) Các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Điều 11. Nội dung kiểm toán

1. Đối với kiểm toán báo cáo tài chính

- a) Kiểm toán tài sản, nguồn vốn.
- b) Kiểm toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh (hay chênh lệch thu, chi).
- c) Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành hoặc hạng mục công trình hoàn thành (nếu có).
- d) Kiểm toán việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN.

2. Đối với kiểm toán tuân thủ

Kiểm toán việc tuân thủ, chấp hành pháp luật; chính sách, chế độ quản lý tài chính, kế toán, tín dụng của đơn vị được kiểm toán.

3. Đối với kiểm toán hoạt động

Tùy theo từng loại hình tổ chức, đặc điểm hoạt động và năng lực của Đoàn kiểm toán được thành lập, đưa vào nội dung kiểm toán các hoạt động của tổ chức như: Kiểm toán hoạt động tín dụng của NHNN, NHTM, NHCSXH, NHPT.

Điều 12. Phạm vi và giới hạn kiểm toán

1. Phạm vi kiểm toán

- a) Phạm vi kiểm toán: nêu những lĩnh vực hoạt động cần phải kiểm toán; danh sách các đơn vị được kiểm toán; quy mô, tỷ trọng các chỉ tiêu tài chính chủ yếu được kiểm toán so với tổng thể của đơn vị được kiểm toán;
- b) Năm tài chính được kiểm toán.

2. Giới hạn kiểm toán: Nêu những giới hạn kiểm toán không thực hiện được bởi những lý do khách quan, chủ quan (nêu rõ lý do).

Điều 13. Phương pháp kiểm toán

Trên cơ sở đánh giá tính trọng yếu và rủi ro kiểm toán, đánh giá mức độ sai sót có thể chấp nhận được của từng nội dung cần kiểm toán, từ đó đưa ra phương pháp kiểm toán để tiến hành kiểm toán phù hợp với việc đánh giá tính trọng yếu và mức độ sai sót nhằm hạn chế mức thấp nhất rủi ro kiểm toán.

Điều 14. Kế hoạch nguồn nhân lực, thời gian, địa điểm kiểm toán

1. Xác định địa điểm, thời gian cần thiết cho cuộc kiểm toán: số ngày cụ thể thực hiện kiểm toán tại đơn vị, lập báo cáo, xét duyệt và phát hành báo cáo kiểm toán;

2. Tổ chức Đoàn kiểm toán

- a) Xác định Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn, số tổ kiểm toán, Tổ trưởng và số lượng kiểm toán viên, thành viên khác của Đoàn kiểm toán.

b) Bố trí nhân sự, địa điểm, thời gian cho từng tổ kiểm toán.

Điều 15. Tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ cho Kiểm toán viên và thu thập các tài liệu luật pháp, quy định có liên quan

1. Tổ chức cho các Kiểm toán viên nghiên cứu kỹ các quy chế áp dụng đối với các đơn vị được kiểm toán; tổ chức báo cáo thực tế của các chuyên gia trong và ngoài ngành, trong nước và quốc tế về đối tượng kiểm toán như: kinh nghiệm về quản lý, kế toán chuyên ngành, kiểm toán, phân tích hoạt động kinh tế, các chính sách, cơ chế, chế độ chung và đặc thù của đối tượng kiểm toán...
2. Tổ chức phổ biến, thảo luận nhằm quán triệt kế hoạch kiểm toán của đoàn, bao gồm: mục tiêu, phạm vi và giới hạn, nội dung, phương pháp kiểm toán, thời gian, của cuộc kiểm toán, tổ chức quản lý của đoàn kiểm toán (thời gian phổ biến và thảo luận: tối thiểu là 02 ngày tùy loại hình, quy mô của từng đơn vị được kiểm toán).

Điều 16. Kinh phí kiểm toán và các điều kiện vật chất khác

1. Xác định kinh phí cụ thể cho từng tổ kiểm toán và tổng hợp chung của cả đoàn gồm: tiền tàu xe, tiền lưu trú, tiền thuê chỗ nghỉ,...
2. Các điều kiện vật chất khác (xe ô tô, máy tính, văn phòng phẩm,...) phục vụ cho cuộc kiểm toán, kể cả chi phí dự kiến thuê tư vấn chuyên gia (nếu có).

Chương III

THỰC HIỆN KIỂM TOÁN

Điều 17. Nội dung kiểm toán các tổ chức tài chính, ngân hàng

1. Kiểm toán xác nhận tính đúng đắn, trung thực về tài sản, nguồn vốn và kết quả kinh doanh;
2. Kiểm toán việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính, kế toán, tín dụng;
3. Kiểm toán hoạt động đầu tư tài chính trong và ngoài nước (bao gồm cả các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác), tín dụng, góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư vào công ty con;
4. Kiểm toán tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả của các hoạt động của các tổ chức tài chính, ngân hàng;

a) Đối với Ngân hàng Nhà nước

- Kiểm toán hoạt động phát hành tiền.
- Kiểm toán hoạt động quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước.
- Kiểm toán hoạt động thị trường mở.
- Kiểm toán hoạt động tín dụng của NHNN đối với các NHTM.

b) Đối với Ngân hàng thương mại

- Kiểm toán tính an toàn trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thông qua việc đánh giá các chỉ tiêu theo quy định của Nhà nước.
- Kiểm tra các chỉ tiêu an toàn theo quy định như: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; tỷ lệ khả năng chi trả; tỷ lệ cấp tín dụng từ nguồn vốn huy động; tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn; tỷ lệ dự trữ bắt buộc.
- Kiểm toán hoạt động kinh doanh ngoại hối.
- Kiểm toán hoạt động thanh toán.

5. Thực hiện kiểm toán các đơn vị đặc thù như: Công ty quản lý Quỹ, Công ty chứng khoán và các Quỹ ngoài ngân sách, NHCSXH, NHPT, BHTG, BHXH,...

Điều 18. Lập và phê duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết

1. Kế hoạch kiểm toán chi tiết phải được lập và phê duyệt ngay sau khi tổ kiểm toán triển khai tại mỗi đơn vị được kiểm toán thuộc phạm vi cuộc kiểm toán; Kế hoạch kiểm toán chi tiết phải đầy đủ nội dung để hướng dẫn công việc cho Tổ kiểm toán và Kiểm toán viên.

2. Căn cứ lập kế hoạch kiểm toán chi tiết

- a) Kế hoạch kiểm toán của cuộc kiểm toán;
- b) Kết quả thu thập, phân tích thông tin thực tế tại đơn vị được kiểm toán.

3. Nội dung kế hoạch kiểm toán chi tiết, bao gồm:

- a) Nội dung kiểm toán;
- b) Mục tiêu kiểm toán;
- c) Phạm vi, đối tượng kiểm toán;

d) Tiêu chí kiểm toán cụ thể phục vụ công tác đánh giá tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng vốn tài sản tại đơn vị được kiểm toán;

đ) Các phương pháp kiểm toán đặc thù áp dụng trong quá trình kiểm toán;

e) Chương trình kiểm toán: các nhiệm vụ kiểm toán được xác định cụ thể đến từng khoản mục, nội dung kiểm toán và việc bố trí nhân sự, lịch trình, thủ tục thực hiện từng nhiệm vụ kiểm toán.

4. Trình tự lập kế hoạch kiểm toán

a) Nghiên cứu và đánh giá chung về hệ thống KSNB của đơn vị được kiểm toán

- Đánh giá mức độ rủi ro kiểm soát đạt được từ hệ thống kiểm soát của đơn vị được kiểm toán và ảnh hưởng tới bản chất và phạm vi của thủ tục kiểm toán chi tiết. Kiểm toán viên khi thực hiện kiểm toán phải đánh giá mức độ rủi ro kiểm soát đạt được từ kiểm tra hệ thống KSNB của đơn vị. Khi đánh giá được mức độ rủi ro kiểm soát đạt được từ hệ thống KSNB, Kiểm toán viên có thể xác định bản chất và phạm vi thực hiện thủ tục kiểm toán chi tiết. Phạm vi của thử nghiệm cơ bản có thể tăng lên nếu kết quả kiểm tra hệ thống KSNB cho thấy hệ thống kiểm soát hoạt động không hiệu quả;

- Công việc kiểm toán dựa trên sự đánh giá rủi ro của Kiểm toán viên. Nếu rủi ro kiểm soát được đánh giá càng lớn thì cần nhiều bằng chứng kiểm toán tin cậy và phù hợp từ thực hiện thủ tục kiểm toán chi tiết. Kiểm toán viên xem xét để thu thập được sự đảm bảo kiểm toán từ quy trình phân tích trước, sau đó sẽ tiến hành kiểm tra chi tiết nếu thấy cần thiết.

b) Ghi chép rủi ro kiểm soát

- Kiểm toán viên cần ghi chép các giải pháp tổng thể nhằm xác định các rủi ro đã được xác định về sai sót trọng yếu cũng như bản chất, thời gian, và phạm vi của các thủ tục kiểm toán tiếp theo, mối liên hệ giữa các thủ tục đó với các rủi ro đã xác định ở mức độ hợp lý của cơ sở dẫn liệu và kết quả của các thủ tục kiểm toán;

- Phương pháp kiểm toán lựa chọn nhằm hạn chế những rủi ro này.

c) Phân tích thông tin thu thập được để làm cơ sở xác định trọng yếu kiểm toán, rủi ro kiểm toán, phương pháp chọn mẫu và quy mô mẫu kiểm toán; những nội dung trọng tâm kiểm toán; các phương pháp kiểm toán cho từng khoản mục, nội dung kiểm toán.

d) Lập kế hoạch kiểm toán chi tiết.

4. Phê duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết

Kế hoạch kiểm toán chi tiết sau khi lập phải được Trưởng Đoàn kiểm toán hoặc người được ủy quyền phê duyệt theo quy định của KTNN.

Điều 19. Kiểm toán các khoản mục trên báo cáo tài chính và kiểm toán đặc thù với từng loại hình đơn vị được kiểm toán

1. Các nội dung, phương pháp, thủ tục kiểm toán áp dụng cho từng loại hình đơn vị được kiểm toán được hướng dẫn chi tiết tại các phụ lục đính kèm quy trình này, cụ thể:

a) Nội dung, phương pháp, thủ tục kiểm toán chung đối với một số khoản mục trên BCTC và hoạt động của đơn vị được kiểm toán chi tiết tại Phụ lục số 01;

b) Nội dung, phương pháp và thủ tục kiểm toán hoạt động tín dụng đối với NHTM chi tiết tại Phụ lục số 02;

c) Nội dung, phương pháp và thủ tục kiểm toán hoạt động tín dụng đối với các hoạt động tín dụng có tính đặc thù đối với NHCSXH chi tiết tại Phụ lục số 03;

d) Nội dung, phương pháp và thủ tục kiểm toán hoạt động đối với các hoạt động có tính đặc thù đối với NHNN chi tiết tại Phụ lục số 04;

đ) Nội dung, phương pháp và thủ tục kiểm toán hoạt động tín dụng đối với NHPT chi tiết tại Phụ lục số 05;

e) Nội dung, phương pháp và thủ tục kiểm toán đối với các hoạt động có tính đặc thù của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ chi tiết tại Phụ lục số 06;

g) Nội dung, phương pháp và thủ tục kiểm toán các hoạt động đầu tư, hỗ trợ và chi trả bảo hiểm, thu phí bảo hiểm của BHTG chi tiết tại Phụ lục số 07;

h) Nội dung, phương pháp và thủ tục kiểm toán các nghiệp vụ có tính đặc thù đối với BHXH chi tiết tại Phụ lục số 08.

Điều 20. Kiểm toán việc tuân thủ pháp luật, nội quy và quy chế của đơn vị được kiểm toán

1. Kiểm toán tuân thủ thường không được thực hiện riêng biệt mà gắn liền với các mục tiêu, nội dung của kiểm toán BCTC hoặc kiểm toán hoạt động, do vậy khi thực hiện kiểm toán việc tuân thủ pháp luật, nội quy và quy chế của đơn vị được kiểm toán, Kiểm toán viên phải lấy mục tiêu, nội dung của kiểm toán BCTC hoặc kiểm toán hoạt động làm định hướng kiểm toán.

2. Sau khi thực hiện các thủ tục kiểm toán cơ bản (phân tích, kiểm tra chi tiết...) đối với các khoản mục trên BCTC và các nội dung kiểm toán đặc thù với từng loại hình đơn vị được kiểm toán, Kiểm toán viên cần đánh giá tính tuân thủ trong việc chấp hành pháp luật, nội quy, quy chế của đơn vị được kiểm toán.

3. Kiểm toán tính tuân thủ cần tập trung vào các nội dung:

a) Đánh giá việc tuân thủ pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành được áp dụng tại đơn vị.

b) Đánh giá việc tuân thủ các quy định nội bộ do tổ chức cấp trên của đơn vị và do chính đơn vị ban hành (nội dung này được thể hiện tập trung trong kiểm tra hiệu năng và hiệu lực của hệ thống KSNB của đơn vị).

4. Các thủ tục kiểm toán có thể áp dụng khi thực hiện kiểm toán:

a) Thực hiện các thử nghiệm kiểm soát để đánh giá hệ thống KSNB của đơn vị; chú trọng đánh giá tính tuân thủ pháp luật trong các quy định nội bộ của tổ chức cấp trên đối với đơn vị và của bản thân đơn vị.

b) Áp dụng các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán đối với từng nội dung, quy trình, thủ tục trong hoạt động của đơn vị. Kiểm tra, đối chiếu các quy định về tổ chức và hoạt động của đơn vị với các quy định của pháp luật để phát hiện những sai phạm có thể tác động đến quản lý và sử dụng các nguồn lực kinh tế của đơn vị.

c) Đối chiếu xác minh để làm rõ: môi trường pháp lý mà doanh nghiệp đang hoạt động, các hoạt động nghiệp vụ, giao dịch của đơn vị có đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định khác có liên quan.

Điều 21. Kiểm toán đánh giá tính kinh tế, hiệu quả hoạt động của đơn vị được kiểm toán

1. Nội dung, mục tiêu, nội dung, phương pháp, tiêu chí kiểm toán đánh giá tính kinh tế, hiệu quả hoạt động của đơn vị được kiểm toán được xác định khi xây dựng kế hoạch kiểm toán tổng quát cho từng cuộc kiểm toán (kế hoạch riêng hoặc lồng ghép với kế hoạch kiểm toán BCTC, kiểm toán chuyên đề tùy thuộc vào yêu cầu của từng cuộc kiểm toán) và gắn với thực tế hoạt động của đơn vị được kiểm toán nhưng phải đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung, phương pháp, tiêu chí kiểm toán chung theo định hướng của ngành và kế hoạch kiểm toán tổng quát.

2. Tiêu chí để đánh giá tính kinh tế, hiệu quả

1. Tiêu chí kiểm toán để đánh giá tính kinh tế, hiệu quả của từng cuộc kiểm toán cần được xác định cụ thể và gắn với mục tiêu, nội dung đã được xác định đồng thời đảm bảo yếu tố phù hợp với thực tiễn hoạt động của đối tượng được kiểm toán.

2. Một số tiêu chí cơ bản khi tiến hành kiểm toán đánh giá tính kinh tế, hiệu quả như sau:

a) Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh: tiêu chí đánh giá khả năng bảo toàn, phát triển và sử dụng đúng mục đích nguồn vốn chủ sở hữu (Kiểm toán viên có thể tham khảo, xây dựng các tiêu chí dựa trên các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính của các TCTD; chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và kết quả hoạt động của HĐQT, Ban điều hành tại các doanh nghiệp,... được quy định hướng dẫn trong các văn bản hiện hành của Nhà nước).

b) Tiêu chí đánh giá hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

c) Tiêu chí đánh giá tính hiệu quả trong việc thực hiện chủ trương của Nhà nước theo quy định của pháp luật, trong việc thực hiện kế hoạch, chiến lược của đơn vị được kiểm toán.

3. Để kết luận kiểm toán có tính thuyết phục, hợp lý và khả thi thì kiểm toán viên cần lựa chọn và sử dụng các tiêu chí đánh giá theo qui định hiện hành và phù hợp với thực tế và loại hình đơn vị được kiểm toán.

Chương IV

LẬP, PHÁT HÀNH BÁO CÁO KIỂM TOÁN VÀ KIỂM TRA THỰC HIỆN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN

Điều 22. Lập Báo cáo kiểm toán

1. Trình tự, thủ tục thực hiện bước lập và gửi báo cáo kiểm toán các tổ chức tài chính, ngân hàng được thực hiện theo quy định tại Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2. Báo cáo kiểm toán các tổ chức tài chính, ngân hàng được lập theo mẫu quy định tại Hệ thống mẫu biểu hồ sơ của KTNN, bao gồm những nội dung cơ bản sau:

a) Khái quát về tình hình cuộc kiểm toán gồm: Mục tiêu, nội dung kiểm toán; phạm vi và đối tượng kiểm toán; căn cứ kiểm toán; tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện cuộc kiểm toán: các đơn vị hoặc bộ phận được kiểm toán, thời gian và địa điểm kiểm toán, phương pháp tổ chức thực hiện kiểm toán.

b) Tổng hợp kết quả kiểm toán gồm: Tổng hợp các phát hiện kiểm toán; phân tích các nguyên nhân dẫn đến kết quả hoạt động sai lệch so với tiêu chuẩn (phát hiện kiểm toán); đánh giá những hậu quả (lượng hóa) do những hoạt động sai lệch so với tiêu chuẩn gây ra; việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính, kế toán và quản lý sử dụng vốn, tiền, tài sản Nhà nước và các nguồn lực khác (nhân lực, vật lực); đánh giá tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, sử dụng vốn, tiền, tài sản Nhà nước và các nguồn lực khác (nhân lực, vật lực).

c) Kiến nghị kiểm toán.

Điều 23. Kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại Luật KTNN; Quy trình kiểm toán của KTNN và Quy trình kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của KTNN./.

FILE ĐƯỢC ĐÍNH KÈM THEO VĂN BẢN



Phu lục